TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2023/DSPT

Ngày: 27 - 6 - 2023

V/v *Tranh chấp quyền sử dụng đất*.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hai

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh

Ông Nguyễn Phước Hưng

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện An Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 207/2022/QĐXX-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa phúc thẩm số: 53/TB-TA ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Tổ 21, ấp Đ, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Tổ 21, ấp Đ, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Ấp K, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang (Hợp đồng ủy quyền chứng thực ngày 16/6/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Văn N– Văn phòng Luật sư Trần Văn N– Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

Địa chỉ: Số 53, Ngô Văn Sở, khóm Đ, phường Đ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Bà Trần Thị C, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Tổ 21, ấp Đ, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Ấp K, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang (Hợp đồng ủy quyền chứng thực ngày 16/6/2023).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Văn N– Văn phòng Luật sư Trần Văn N– Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

3.2 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Tổ 01, ấp P, xã P, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

3.3 Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ 30, Ấp K, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

3.4 Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Tổ 21, ấp Đ, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

4. *Người làm chứng*: Ông Lê Văn C, sinh năm 1948; Nơi cư trú: Tổ 44, Ấp K, xã Q, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

Bị đơn, Ông Nguyễn Văn C kháng cáo; Viện kiểm sát không kháng nghị.

(Ông Lên, Cao; bà Thủy và Luật sư có mặt; những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Nguyễn Thành L trình bày:

Cha ông là Nguyễn Văn G (chết ngày 19/02/1975), để lại cho mẹ ông là Nguyễn Thị N và các con tài sản là 03 sở đất tọa lạc tại: ấp 4 Đồng Cô Ki, xã Nhơn Hội; ấp 3 Búng Lớn, xã Nhơn Hội và ấp Phú Thành, xã Phú Hữu.

Ngày 21/12/1975, mẹ ông cùng các con đến nhờ chính quyền phân chia đất của cha để lại. Theo đó, phần đất toạ lạc tại ấp 4 Đồng Cô Ki (nay là ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái) được chia làm 02 phần. Việc thoả thuận chia đất không đo đạc mà anh em tự phân chia. Phần ông được chia chiều ngang ngoài là 16,8m, chiều ngang phía trong là 18m, chiều dài khoảng 130m.

Năm 1991, bà Nguyễn Thị Th (chị dâu, vợ ông Nguyễn Văn H) đến hỏi cho con là Nguyễn Văn C cất nhà ở nhờ, diện tích chiều ngang 5m, chiều dài 8m (thỏa thuận bằng lời nói). Ông Có cất nhà tạm, ở đến năm 2010 thì mua đất gần đó cất nhà và di dời đồ đạc đến nơi ở mới.

Tháng 02/2019, ông Có đến sửa chữa nhà, ông không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Nay yêu cầu ông Có phải di dời nhà, trả lại diện tích đất chiều ngang 5m x 8m chiều dài và ông sẽ hỗ trợ chi phí di dời.

Đất tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì vi phạm hành lang lộ giới.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Nguyễn Văn C trình bày:

Nguồn gốc đất ông cất nhà ở và đang tranh chấp là của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị N. Năm 1989, Ông Lê Văn C đã chuyển nhượng lại cho mẹ ông là Nguyễn Thị Thửa, có làm giấy tay. Ông không biết, vì sao ông Cao có diện tích đất mà chuyển nhượng cho mẹ ông.

Năm 2010, ông mua thêm 01 nền nhà cách đó khoảng 200m để cất nhà ở, căn nhà bị tranh chấp thỉnh thoảng vẫn tới lui. Nay không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị C trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của Ông Nguyễn Văn C.

Bà Nguyễn Thị C trình bày: Phần đất bà được chia đối diện với đất mà Ông Nguyễn Thành L đòi lại từ Ông Nguyễn Văn C. Nguồn gốc đất, ông Lên được chị em chia cùng với bà Nguyễn Thị Hvà bà.

Trước đây, Ông Lê Văn C có cất nhà ở nhờ trong phần đất của ông Lên. Bà xác định phần đất mà ông Lên tranh chấp là tài sản riêng của ông, không phải là di sản thừa kế của cha, mẹ để lại.

Ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị H (chết năm 1979), anh rể ông Lên. Xác định phần đất tranh chấp hiện nay là bà Nguyễn Thị N khi còn sống chia cho ông Lên.

Bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà là con bà Nguyễn Thị Hiêu. Bà cho biết sau khi mẹ mất (1979) bà ở với cụ Nhành (bà ngoại) đến khi bà mất (3 năm trước). Khi còn sống, bà ngoại cùng mẹ bà, ông Lên, bà Chênh và con dòng lớn (con riêng ông Nguyễn Văn G) ra xã làm thủ tục chia đất.

Phần của mẹ, bà thì bà quản lý sử dụng đến nay. Xác định phần ông Lên tranh chấp là phần của ông Lên được bà ngoại chia cho, không phải là di sản thừa kế của bà Nhành, ông Gạo.

Người làm chứng, Ông Lê Văn C trình bày: Nguồn gốc đất mà Ông Nguyễn Thành L tranh chấp với Ông Nguyễn Văn C là do ông mua từ bà Nguyễn Thị N (mẹ ông Lên) với giá 02 chỉ vàng 24Kra, nhưng không nhớ rõ thờ gian và không làm giấy tờ. Sau khi mua, tôi cất nhà để ở, đến năm 1989 tôi bán nhà đất lại cho bà Nguyễn Thị Th cũng không làm giấy tờ. Khi bà Thửa chết thì nhà đất giao lại cho Ông Nguyễn Văn C đến nay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS-ST, ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú đã tuyên xử:

Căn cứ Khoản 1 Điều 5, Khoản 5 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, các Điều 91,147, 157, 161, 165, 228, 244, 273 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 05 Luật đất đai 1987,

Điều 167 Luật đất đai 2013; các Điều 12, Điều 14, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc ông Có không được sửa chữa, xây dựng mới căn nhà trên đất tranh chấp.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thành L.

Buộc Ông Nguyễn Văn C và Bà Trần Thị C phải di dời phần khung nhà cất trên đất có diện tích 36,8m^2 thuộc các điểm 1,10,9,6,5,4,3 và nhà vệ sinh diện tích 1,1m^2 thuộc các điểm 5,6,7,26 theo bản vẽ hiện trạng đất tranh chấp ngày 08/12/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh An Phú để trả lại phần đất có diện tích và vị trí nêu trên cho ông Lên.

Công nhận sự tự nguyện của ông Lên hỗ trợ chi phí di dời cho ông Có, bà Chẩn số tiền 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí dân sự, áp dụng luật thi hành án và tuyên về phần quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, Ông Nguyễn Văn C kháng cáo và ngày 05/8/2022 kháng cáo bổ sung, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện cho Ông Nguyễn Văn C và Bà Trần Thị C vẫn giữ yêu cầu kháng cáo;

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông Nguyễn Văn C và Bà Trần Thị C phát biểu tranh luận: Về nguồn gốc đất chưa rõ ràng, Ông Nguyễn Thành L không có giấy tờ gì chứng minh nhưng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Có, bà Chẩn di dời nhà trả lại đất là không chính xác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không đưa Ông Lê Văn C và Bà Phạm Thị T tham gia tố tụng, mặc dù những người đã được Tòa án triệu tập đến làm việc.

Mặt khác, ông Có đã sử dụng nhà đất trên 30 năm nhưng không được Tòa án công nhận.

Từ những lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Có, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS-ST, ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú để xét xử lại.

Ông Nguyễn Thành L vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Nguồn gốc đất do cha chết để lại, mẹ và các anh chị em khác tự thỏa thuận phân chia. Phần ông được hưởng, ông cũng có bán cho người khác (làm giấy tay rõ ràng). Tại phiên tòa, Ông Lê Văn C khai không đúng và liên tục thay đổi lời khai. Lúc thì khai mẹ ông bán không có giấy tờ, lúc thì khai có giấy tờ (mẹ là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1915; giấy tay ông Cao cung cấp thì sinh năm 1925). Bà không biết chữ và lúc đó đang sống chung với

ông nhưng ông không được biết về việc mua bán đất giữa mẹ với ông Cao là không thể xảy ra.

Trước đây, khi hòa giải tại địa phương ông đồng ý hỗ trợ cho Ông Nguyễn Văn C số tiền 80.000.000 đồng. Nay, ông vẫn giữ ý kiến này.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang về giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, Điều 285 và Điều 286 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của Ông Nguyễn Văn C, giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS-ST, ngày 15/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận xét về vụ án.

[1] Về thủ tục:

Đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Văn C trong hạn luật định, có nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Thành L khởi kiện, yêu cầu vợ chồng Ông Nguyễn Văn C, Bà Trần Thị C phải tháo dỡ, di dời căn nhà tạm cho ở nhờ để trả lại diện tích đất khoảng 40m^2 (đo đạc thực tế 40,8m^2). Vợ chồng ông Có không đồng ý, cho rằng đất đã nhận chuyển nhượng (giấy viết tay) với Ông Lê Văn C.

[2.2] Xét thấy, đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn G và Nguyễn Thị N. Sau khi cụ Gạo chết, cụ Nhành phân chia cho các con, được những người thừa kế của cụ Nhành, cụ Gạo gồm: Bà Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị Hiêu (người thừa kế là Ông Nguyễn Văn H và Bà Nguyễn Thị K) và Ông Nguyễn Thành L xác nhận.

Ngoài ra, Ông Nguyễn Văn C là bị đơn và những người khác cũng xác định về nguồn gốc đất như trên. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

[2.3] Về chứng cứ:

[2.3.1] Ông Nguyễn Văn C, Bà Trần Thị C khai, căn nhà tạm gắn liền với đất bị ông Lên tranh chấp là do bà Nguyễn Thị Th (mẹ ông Có) mua lại từ Ông Lê Văn C với giá 02 chỉ vàng 24K, khi giao vàng lập giấy tay.

Tại tờ tường trình ngày 11/5/2021 (bút lục số 60) ông Có lại khai, nguồn gốc đất ông Lên tranh chấp là của ông nội Nguyễn Văn G để lại cho con rễ tên Hương. Sau đó, ông Hương bán lại cho Ông Lê Văn C, đến năm 1989 mẹ ông (bà Nguyễn Thị Th) mua đất lại từ ông Cao, chiều ngang 5 mét, dài 8 mét và giao cho ông sử dụng đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng, lời khai của ông Có, bà Chẩn có sự mâu thuẫn lẫn nhau. Lúc thì khai bà Thửa mua đất từ ông Hương, lúc thì khai mua đất từ ông Cao.

[2.3.2] Tương tự, Ông Lê Văn C trước sau khai không thống nhất với nhau: Lúc thì khai mua từ bà Nguyễn Thị N (mẹ ông Lên) với giá 02 chỉ vàng 24Kra, nhưng không nhớ rõ thời gian và không làm giấy tờ. Sau khi mua, cất nhà để ở, đến năm 1989 bán nhà đất lại cho bà Nguyễn Thị Th (mẹ ông Có) 02 chỉ vàng 24Kra cũng không làm giấy tờ. Khi bà Thửa chết thì nhà đất giao lại cho Ông Nguyễn Văn C đến nay (bút lục số 35).

Lúc thì khai có lập giấy viết tay "Giấy mua bán đất ngày 10/9/1989" với bà Thửa (bút lục số 31) nhưng lập khi xảy ra tranh chấp (do ông Có nhờ ký). Lúc thì, cung cấp giấy viết tay "Tờ mua bán đất ở ngày 29/7/1985" với bà Nhành, có người chứng kiến của ông Trần Văn Thạch (chết), Hồ Đức Trọng (chết), Lê Văn Xăng và bà Lê Thị Ngữ.

Tại phiên tòa thì khai mua đất của bà Nhành, bán lại cho bà Thửa.

Cấp phúc thẩm đã thu thập chứng cứ đối với "Tờ mua bán đất ở ngày 29/7/1985" do bà Nhành ký (dấu thập) với ông Cao, những người làm chứng khai: Không chứng kiến trực tiếp việc mua bán, không rõ diện tích đất, số tiền và vàng giao nhận giữa các bên; người thì khai bà Nhành thời điểm này sống với cháu tên Kiều, người thì khai sống với ông Lên.

Mặt khác, giấy viết tay bà Nhành ký với ông Cao xác định bán cho ông 02 phần đất, bà Nhành đã già yếu, không biết chữ nhưng ông Lên hoặc cháu Kiều không ký chứng kiến.

Ngoài ra, khi hòa giải lần đầu tại địa phương (biên bản ngày 19/9/2019 – bút lục số 11) ông Có đã gián tiếp thừa nhận và đồng ý để ông Lên lấy lại đất.

Như vậy, chứng cứ do phía bị đơn và người làm chứng cung cấp không có thật nên không được sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.4] Từ những nhận định trên, cho thấy án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Ông Có kháng cáo yêu cầu hủy án, vì cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa Bà Phạm Thị T, Ông Lê Văn C vào tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, vị trí đất tại nhà vệ sinh, diện tích 1.1m^2 (các điểm 5, 6, 7 và 26) Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 08/12/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh An Phú, không thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Thủy (biên bản ngày 28/12/2022).

Đối với ông Cao và những người thừa kế của bà Thửa có chuyển nhượng đất với nhau hay không, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết ở vụ án khác. Cấp sơ thẩm đã nhận định là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Có. Lẽ ra, cần giữ y bản án sơ thẩm.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Lên đồng ý tăng số tiền hỗ trợ di dời nhà cho ông Có, bà Chẩn trước và sau là 80.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Cấp sơ thẩm tuyên án chưa chính xác, cần sửa lại cách tuyên.

[4] Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Có không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Chi phí tố tụng: Ông Lên tự nguyện chịu (đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Nguyễn Văn C, sửa bản án sơ thẩm 89/2022/ DS-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Ông Nguyễn Văn C không được sửa chữa, xây dựng mới căn nhà trên đất tranh chấp.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thành L.

Buộc Ông Nguyễn Văn C và Bà Trần Thị C phải di dời khung nhà gỗ diện tích 36,8m^2 tại các điểm 1, 10, 9, 6, 5, 4, 3 và nhà vệ sinh bê tông diện tích 1,1m^2 tại các điểm 5, 6, 7, 26 để trả lại diện tích đất là 40,8m^2 tại các điểm 1, 2, 5, 26, 7, 6, 25

theo Bản vẽ hiện trạng khu đất ngày 08/12/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh An Phú cho Ông Nguyễn Thành L.

Công nhận sự tự nguyện của Ông Nguyễn Thành L hỗ trợ chi phí di dời nhà cho Ông Nguyễn Văn C, Bà Trần Thị C số tiền trước và sau là 80.000.000 đồng (tám chục triệu đồng).

Ông Nguyễn Thành L có trách nhiệm liên hệ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[3] Án phí sơ thẩm:

[3.1] Ông Có, bà Chẩn phải chịu 300.000 đồng.

[3.2] Ông Nguyễn Thành L không phải chịu và được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0009883 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án huyện An Phú.

[4] Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C không phải chịu và được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006528, ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án huyện An Phú.

[5] Chi phí tố tụng: Ông Lên tự nguyện chịu (đã nộp đủ).

[6] Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THA dân sự cấp huyện;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tòa Dân Sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Văn Hai